

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”**

Thực hiện Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”, Công văn số 3428/BGDĐT-GDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Bến tre, như sau:

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Mục tiêu**

a) Mục tiêu đến năm 2015:

- Nâng cao tỷ lệ người biết chữ đạt trên 99% trong độ tuổi 15 – 60, nâng cao tỷ lệ người biết chữ đạt 99% trong độ tuổi 15- 35;
- Có 80% số người mới biết chữ tiếp tục tham gia học tập với nhiều hình thức khác nhau nhằm củng cố vững chắc kết quả biết chữ;
- Duy trì 100% đơn vị cấp huyện và đơn vị cấp xã đạt chuẩn chống mù chữ giai đoạn 2013 – 2020.

b) Mục tiêu đến năm 2020:

- Nâng cao tỷ lệ người biết chữ đạt trên 99% trong độ tuổi 15 – 60, nâng cao tỷ lệ người biết chữ đạt 99% trong độ tuổi 15- 35;
- Có 90% số người mới biết chữ tiếp tục tham gia học tập với nhiều hình thức khác nhau nhằm củng cố vững chắc kết quả biết chữ;
- Tiếp tục duy trì 100% đơn vị cấp huyện và đơn vị cấp xã đạt chuẩn chống mù chữ giai đoạn 2013 – 2020.

**2. Yêu cầu**

Thực hiện xóa mù chữ là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị; là công tác mang tính xã hội sâu sắc, rộng lớn. Do đó cần phải huy động nhiều lực lượng chính trị, xã hội tham gia. Ngành giáo dục và đào tạo các cấp phải tích cực tham mưu với ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch xóa mù chữ hàng năm.

**3. Lộ trình thực hiện xóa mù chữ (đính kèm phụ lục 1)**

## **II NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Nâng cao nhận thức về công tác chống mù chữ**

a) Tổ chức tuyên truyền về tầm quan trọng của việc biết chữ đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và cộng đồng thông qua các tổ nhân dân tự quản và các tổ chức đoàn, hội ở cơ sở;

b) Biên soạn, in ấn, phát hành các tài liệu tuyên truyền về công tác chống mù chữ;

c) Gắn kết tuyên truyền chống mù chữ với việc xây dựng xã hội học tập và các phong trào thi đua ở địa phương;

d) Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác chống mù chữ.

### **2. Đổi mới công tác quản lý, tổ chức lớp học xóa mù chữ với các nhóm đối tượng**

a) Củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo Chống mù chữ- Phổ cập giáo dục của địa phương, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ngành, các tổ chức có liên quan trong công tác chống mù chữ;

b) Tăng cường công tác điều tra, cập nhật số liệu về người mù chữ, từ đó có kế hoạch phân công trong Ban chỉ đạo xã vận động từng người mù chữ ra lớp học;

c) Tổ chức lớp học xóa mù chữ phù hợp với thực tiễn địa phương và người học;

d) Xây dựng định mức chi cho công tác xóa mù chữ;

đ) Kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn chống mù chữ: Mỗi năm ít nhất một lần, Ban chỉ đạo tỉnh kiểm tra Ban chỉ đạo các huyện, thành phố (gọi chung là huyện), Ban chỉ đạo huyện kiểm tra Ban chỉ đạo các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) về tiến độ thực hiện xóa mù chữ. Cuối năm hoặc kết thúc từng giai đoạn sẽ tổng kết và đánh giá việc thực hiện Đề án xóa mù chữ, có hình thức khen thưởng kịp thời nhằm động viên các đơn vị và cá nhân có thành tích; có biện pháp xử lý, chấn chỉnh các hạn chế, tồn tại gây khó khăn, cản trở công tác xóa mù chữ;

e) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu về công tác chống mù chữ- Phổ cập giáo dục của địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, chính xác theo quy định.

### **3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia chống mù chữ**

a) Tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên tham gia dạy xóa mù chữ, nhất là đội ngũ giáo viên Tiểu học;

b) Bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng giáo dục hòa nhập cho giáo viên dạy xóa mù chữ cho người khuyết tật;

c) Thực hiện chế độ, chính sách đối với những người tham gia công tác chống mù chữ và hỗ trợ người học xóa mù chữ.

#### **4. Củng cố bền vững kết quả chống mù chữ, hạn chế mù chữ trở lại**

a) Tăng cường tổ chức các lớp học chuyên đề về y tế, văn hóa, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt,... tại các trung tâm học tập cộng đồng nhằm củng cố kết quả biết chữ, hạn chế mù chữ trở lại (tái mù chữ);

b) Cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ nhằm giúp người mới biết chữ có tài liệu đọc hấp dẫn, thiết thực; trên cơ sở đó, duy trì, củng cố kết quả xóa mù chữ; đồng thời áp dụng những kiến thức vào thực tế cuộc sống, sản xuất;

c) Tăng cường hoạt động của các thư viện xã;

d) Tổ chức các lớp học nghề truyền thống, nghề ngắn hạn cho những người mới biết chữ;

e) Tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học. Vận động các đối tượng trong độ tuổi phổ cập giáo dục không có điều kiện học ở các trường lớp chính quy theo học các lớp không chính quy.

#### **5. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chống mù chữ**

a) Tăng cường huy động giáo viên các trường Tiểu học; cán bộ hưu trí; các hội viên, đoàn viên các hội, đặc biệt là Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức, Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức tham gia dạy xóa mù chữ. Đẩy mạnh hoạt động tình nguyện dạy xóa mù chữ của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

b) Huy động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đóng góp, hỗ trợ về tài chính, cơ sở vật chất cho công tác xóa mù chữ, nhất là giúp đỡ các học viên thuộc gia đình khó khăn.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện công tác xóa mù chữ chủ yếu từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo. Hằng năm, kinh phí chi cho công tác xóa mù chữ dự kiến như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số tiền	113,75	208,35	204,25	197,15	188,75	159,45	151,05	137,25

(Chi tiết đính kèm phụ lục 2)

- Các huyện, xã cần vận động thêm kinh phí từ các nguồn tài trợ của các tổ chức xã hội và cá nhân để bổ sung cho công tác xóa mù chữ;

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí được thực hiện theo các quy định hiện hành.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Cấp tỉnh**

###### **a) Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và chủ trì thực hiện công tác xóa mù chữ; hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức triển khai kế hoạch, theo dõi kiểm tra tiến độ thực hiện, kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tổng kết hàng năm hoặc theo từng giai đoạn, báo cáo định kỳ cho Thường trực Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện công tác xóa mù chữ;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện công tác xóa mù chữ hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng chính sách, chế độ hỗ trợ người dạy và người học xóa mù chữ;

- Tập trung xây dựng đội ngũ giáo viên của các ngành học, cấp học, nhất là giáo viên Tiểu học đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Tích cực chống lưu ban, bỏ học, nâng cao hiệu quả đào tạo;

- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tài liệu dạy, học chương trình xóa mù chữ cho các nhóm đối tượng;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội trong tỉnh động viên nhân dân tích cực chủ động tham gia công tác xóa mù chữ.

###### **b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp các tài liệu học tập chuyên đề về nông nghiệp và nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các trung tâm học tập cộng đồng ở các xã;

- Đưa tiêu chí xóa mù chữ vào xây dựng nông thôn mới ở cấp xã, huyện phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích những người chưa biết chữ ở nông thôn tích cực học xóa mù chữ.

###### **c) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính xây dựng chính sách hỗ trợ, giúp đỡ thanh thiếu niên là con liệt sĩ, con thương binh, con

gia đình có công cách mạng, con hộ nghèo, con gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo quy định của nhà nước, người khuyết tật học xóa mù chữ;

- Củng cố, tăng cường, phát triển cơ sở dạy nghề. Chỉ đạo các cơ sở đào tạo nghề tổ chức các lớp truyền nghề, học nghề ngắn hạn, đơn giản, phương pháp giảng dạy phù hợp cho người mới biết chữ.

#### d) Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác xóa mù chữ.

#### đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành có liên quan rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất trường học (trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường đạt chuẩn quốc gia) đảm bảo phục vụ tốt công tác xóa mù chữ.

#### e) Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí thực hiện, chế độ, chính sách đối với những người tham gia công tác chống mù chữ và hỗ trợ người học xóa mù chữ;

- Bố trí kinh phí phục vụ công tác xóa mù chữ theo quy định hiện hành.

#### g) Đề nghị các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh: Phân công trách nhiệm và hướng dẫn các tổ chức thành viên cấp huyện, xã xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp hành động để triển khai thực hiện công tác chống mù chữ, đưa nội dung xóa mù chữ vào phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở khu dân cư;

- Hội Khuyến học tỉnh: Chỉ đạo cho các Hội Khuyến học huyện, xã phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo địa phương nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, tổ chức các lớp học xóa mù chữ và các lớp chuyên đề để củng cố kết quả biết chữ. Tổ chức vận động các gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư tích cực vận động người chưa biết chữ tham gia các lớp xóa mù chữ;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Chỉ đạo các cấp hội đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trẻ em gái về sự cần thiết phải biết chữ. Phối hợp với ngành giáo dục tổ chức điều tra, thống kê số phụ nữ, trẻ em gái không biết chữ; nghiên cứu các biện pháp vận động, tổ chức các hình thức học xóa mù chữ phù hợp với các nhóm đối tượng. Tạo điều kiện cho phụ nữ, trẻ em gái sau khi học chữ được học nghề, làm nghề để củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tình trạng tái mù chữ và ổn định cuộc sống gia đình;

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Vận động thanh, thiếu niên chưa biết chữ tham gia học xóa mù chữ; tổ chức phong trào học sinh, sinh viên

tình nguyện dạy xóa mù chữ cho người dân ở vùng khó khăn, trẻ em lang thang đường phố;

- Hội Nông dân tỉnh: Chỉ đạo các cấp hội huyện, xã phối hợp với ngành giáo dục, chính quyền địa phương tổ chức điều tra, cập nhật thực trạng người mù chữ ở nông thôn, vận động và tổ chức các lớp học xóa mù chữ cho nông dân. Tổ chức các lớp học nghề đơn giản hỗ trợ nông dân học Chương trình giáo dục sau khi biết chữ;

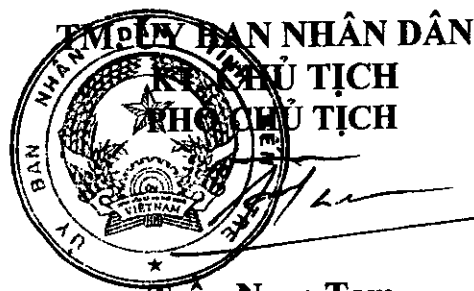
- Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ và giải pháp chống mù chữ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Hội.

## 2. Cấp huyện, xã

Ủy ban nhân dân huyện, xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện công tác xóa mù chữ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT và các PCT tỉnh (để báo cáo);
- UBMTTQ tỉnh (ph/h);
- Các đoàn thể tỉnh (ph/h);
- Chánh, các PCVP (NC);
- Các Sở, ban ngành tỉnh (thực hiện);
- UBND các huyện, thành phố (thực hiện);
- Trung tâm tin học;
- Ng/c: TH, VHXXH;
- Lưu: VT, v..



**Trần Ngọc Tam**

Phụ lục I



**QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC XOÁ MÙ CHỮ**  
 Theo kế hoạch số: 5A54/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Năm	Độ tuổi	Xoá mù chữ		Người biết chữ	
		Số lượng người xoá mù chữ/số người mù chữ năm 2012	Tỷ lệ %	Số lượng người biết chữ/dân số trong độ tuổi	Tỷ lệ %
2013	15 - 35	1.017/3.178	32,00	499.398/501.559	99,56
	15 - 60	4.971/19.887	25,00	1.179.307/1.194.223	98,75
2014	15 - 35	1.589/3.178	50,00	499.970/501.559	99,68
	15 - 60	8.352/19.887	42,00	1.182.688/1.194.223	99,03
2015	15 - 35	2.097/3.178	66,00	500.478/501.559	99,78
	15 - 60	11.773/19.887	59,00	1.186.069/1.194.223	99,32
2016	15 - 35	2.415/3.178	76,00	500.796/501.559	99,85
	15 - 60	13.722/19.887	69,00	1.188.058/1.194.223	99,48
2017	15 - 35	2.669/3.178	84,00	501.050/501.559	99,90
	15 - 60	15.512/19.887	78,00	1.189.848/1.194.223	99,63
2018	15 - 35	2.892/3.178	91,00	501.273/501.559	99,94
	15 - 60	16.904/19.887	85,00	1.191.240/1.194.223	99,75
2019	15 - 35	3.019/3.178	95,00	501.400/501.559	99,97
	15 - 60	18.296/19.887	92,00	1.188.058/1.194.223	99,87
2020	15 - 35	3.146/3.178	99,00	501.527/501.559	99,99
	15 - 60	19.489/19.887	98,00	1.188.058/1.194.223	99,97

**Phụ lục II**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC XOÁ MÙ CHỮ**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 5454/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Huyện	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Ba Tri	10,00	13,00	13,00	13,00	10,00	10,00	10,00	07,00
Bình Đại	08,00	07,00	06,00	05,00	04,00	03,00	02,00	01,00
Châu Thành	10,00	10,00	10,00	10,00	05,00	05,00	05,00	05,00
Chợ Lách	06,00	06,00	01,00	01,00	01,00	00,00	00,00	00,00
Giồng Trôm	10,00	10,00	10,00	07,00	07,00	07,00	05,00	05,00
Mỏ Cày Bắc	06,00	07,00	07,00	06,00	04,00	03,00	02,00	01,00
Mỏ Cày Nam	10,00	10,00	10,00	05,00	05,00	05,00	05,00	05,00
TP. Bến Tre	05,00	05,00	05,00	05,00	03,00	03,00	02,00	01,00
Thạnh Phú	15,00	15,00	15,00	13,00	13,00	13,00	12,00	10,00
<b>Cả tỉnh</b>	<b>113,75</b>	<b>208,35</b>	<b>204,25</b>	<b>197,15</b>	<b>188,75</b>	<b>159,45</b>	<b>151,05</b>	<b>137,25</b>